

MARKET LENS

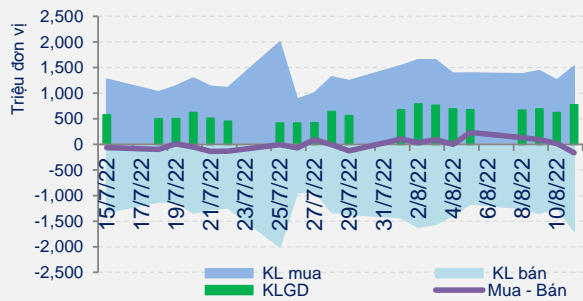
Phiên giao dịch ngày:

11/8/2022

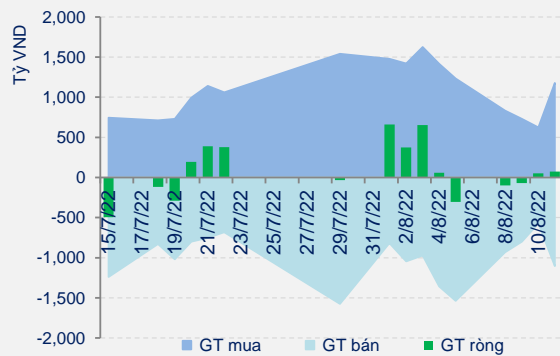
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,252.07	300.18
% Thay đổi	↓ -0.35%	↓ -1.11%
KLGD (CP)	772,159,040	128,789,513
GTGD (tỷ đồng)	18,760.24	2,556.30
Tổng cung (CP)	1,689,564,300	197,715,400
Tổng cầu (CP)	1,524,591,000	156,269,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,829,640	258,220
KL mua (CP)	34,044,400	2,650,439
GT mua (tỷ đồng)	1,177.01	66.77
GT bán (tỷ đồng)	1,102.46	11.16
GT ròng (tỷ đồng)	74.55	55.61

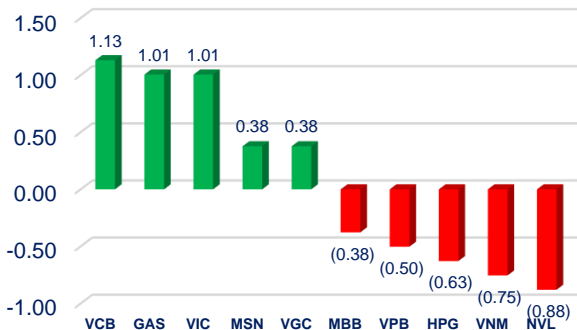
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Đón nhận thông tin CPI tháng 7 của Mỹ tăng thấp hơn dự báo và đà tăng điểm tốt của thị trường Mỹ đêm hôm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam mở cửa tăng khá tích cực khi VN-INDEX chạm mức cao nhất ngày tại 1.268,03 điểm (+0,92%). Đà tăng điểm dù có sự suy yếu nhưng được giữ khá tốt tới hết phiên sáng, tuy nhiên áp lực bán tăng dần từ 13h30 khiến chỉ số giảm dần và sau 14h lao dốc khá mạnh, thời điểm thấp nhất phiên giảm 10,65 điểm (-0,85%) trước khi phục hồi nhẹ trở lại vào cuối phiên. Chốt phiên VN-INDEX đóng cửa tại 1.252,07 điểm (-0,35%), HNX-INDEX đóng cửa tại 300,18 điểm (-1,11%). Độ rộng trên cả 2 sàn nghiêng về hướng tiêu cực khi tổng cộng có 466 mã giảm điểm, 198 mã tăng điểm và 137 mã đứng giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường gia tăng đột biến so với phiên trước, cao nhất trong nhiều tháng qua.

Các mã vốn hóa vừa và nhỏ trong ngành bất động sản, xây dựng có diễn biến tiêu cực nhất trong phiên hôm nay. Cụ thể như DIG (-5%), HUT (-5,5%), SCR (-3,9%), HDC (-4,1%), VCG (-3,8%) HBC (-2,9%)... Bên cạnh đó nhóm nguyên vật liệu như phân bón, hóa chất, thép cũng hầu hết giảm điểm, điển hình là CSV (-3,2%), HSG (-2,9%), NKG (-4,2%).

Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán chứng kiến áp lực chốt lãi tăng sau thời gian phục hồi vừa qua, đặc biệt là tại mã VCI (-5,5%) sau đó lan sang các mã cổ phiếu khác như BSI (-3,2%), CTS (-4,11%), một số mã khác dù giảm điểm nhưng ở mức độ nhẹ như SSI (-0,6%), HCM (-1,65%), SHS (-0,69%).

Cổ phiếu ngân hàng và dầu khí dù cũng chịu áp lực nhưng vẫn là nhóm tích cực nhất trong phiên hôm nay khi hầu hết vẫn giữ được đà tăng điểm từ đầu cho tới cuối phiên và là trụ đỡ chính cho chỉ số. Có thể kể tới như VCB (+1,2%), GAS (+1,89%), STB (+1,2%), HDB (+1%), CTG (0,18%), PVS (+1,98%), tuy vậy sự phân hóa trong nhóm này cũng diễn ra khá mạnh với các mã giảm điểm như VPB (-1,7%), MBB (-1,47%), VIB (-1,3%), PVD (-0,53%). Ngoài ra trong nhóm bluechips cũng phải kể tới các mã họ VIN cùng tăng điểm là VIC (+1,5%) VHM (+0,2%), VRE (+1,8%) qua đó giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ một số mã khác như VNM (-1,9%), NVL (-2,3%).

Khối ngoại mua ròng 74 tỷ đồng trên HOSE. Mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất là SSI với 67,7 tỷ đồng tương ứng với 2,75 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HDB với 47,6 tỷ đồng tương ứng với 1,87 triệu cổ phiếu và VND với 47 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 105 tỷ đồng tương ứng với gần 1,5 triệu cổ phiếu.

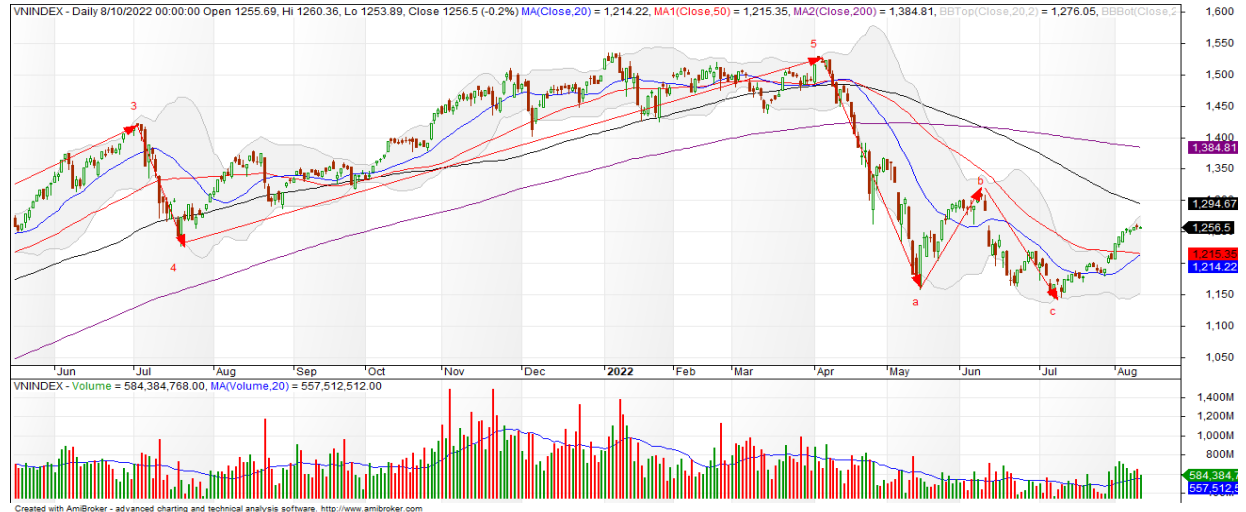
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 ở 4 kỳ hạn đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ -4,33 đến -18,93 điểm, mức chênh lệch thu hẹp dần so với phiên trước khi thị trường đang dần đến thời điểm đảo hạn phát sinh, cũng như các trader kỳ vọng chỉ số VN30 sẽ điều chỉnh chậm lại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/8/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



VN-INDEX đầu phiên tăng điểm tích cực lên mức 1.268 điểm. Tuy nhiên áp lực cung lớn trong vùng 1.260-1.285_gap down giữa hai phiên 10/6 và 13/6 như đã dự kiến gia tăng mạnh, dẫn đến áp lực bán mạnh với thanh khoản đột biến. VN-INDEX có phiên giảm điểm về mức 1.252,07 với khối lượng đột biến sau 07-08 phiên liên tiếp phục hồi tăng điểm.

Sau nhịp hồi phục khoảng 10% kể từ vùng đáy quanh ngưỡng 1.140 điểm. Thực tế đã xác nhận áp lực bán trong vùng 1.260-1.285 điểm đã gia tăng mạnh để chặn đứng đà tăng của chỉ số. Ngắn hạn VN-INDEX có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng hỗ trợ gần nhất 1.245-1.250, trường hợp áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-INDEX có thể kiểm tra lại vùng hỗ trợ ngắn hạn mạnh 1.235-1.240 điểm. Sẽ cần những tin tức hỗ trợ trong thời gian tới để kích hoạt lực cầu gia tăng giúp cho thị trường có thể phục hồi ở vùng hỗ trợ 1.235-1.240 điểm để tiếp tục tăng điểm lên lại vùng 1.260-1.285 điểm.

Trong trung và dài hạn, VN-INDEX có thể có diễn biến giống với lịch sử vào 4 năm trước đó với việc thị trường sẽ có nhịp hồi phục (đã diễn ra), sau đó là điều chỉnh (có thể bắt đầu diễn ra) và giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen kéo dài cho đến khi thiết lập xong một nền giá mới, chuẩn bị cho cú bật tăng sau đó. Biên độ của đợt giằng co này được chúng tôi ước tính có thể trong khoảng 1.140-1.300 điểm kéo dài cho đến hết năm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Áp lực cung gia tăng mạnh ở vùng giá cao dẫn đến VN-INDEX kết phiên giảm điểm với khối lượng gia tăng đột biến 767 triệu cổ phiếu, cao nhất trong 04 tháng qua, cao hơn 31,39% so với phiên trước. Như vậy sau hơn 01 tháng phục hồi từ vùng đáy 1.140-1.150 điểm, thị trường, VN-INDEX có rủi ro xuất hiện phiên phân phối ngắn hạn lần đầu tiên với khối lượng đột biến. Có thể đây chỉ là giai đoạn điều chỉnh sau giai đoạn phục hồi, trước khi thị trường bắt đầu có kỳ vọng bước vào nhịp tăng điểm tiếp theo. Trường hợp này sẽ xác nhận nếu lực cầu lớn gia tăng hấp thụ được áp lực cung trong tuần tiếp theo khi VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh về các vùng hỗ trợ mạnh quanh 1.235-1.240 điểm.

Trong ngắn hạn, nhà đầu tư đang có tỉ trọng đầu cơ cao nên xem xét cơ cấu rút gọn danh mục, loại giảm các mã kém hiệu quả, suy yếu hơn so với thị trường chung. Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang hình thành vùng tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì, qua đó vẫn có nhiều cơ hội chọn lọc đầu tư.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý. Hạn chế mua đuổi ở vùng giá cao, gần kháng cự mạnh ngắn hạn. Đồng thời ưu tiên xem xét cơ cấu danh mục, giảm tỉ trọng đầu cơ nếu có đối với các mã đạt kỳ vọng hoặc gặp các vùng kháng cự mạnh, suy yếu hơn so với thị trường chung.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/8/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DGW	63.00	60-62	68-70	48	13.0	16.4%	17.6%	Theo dõi chờ giải ngân
DPR	72.00	70-72	88-90	64	6.4	31.9%	110.7%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 71.5+-
BMI	29.70	27.5-29.2	32-33	26	15.0	14.2%	4.1%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 28.4+-
FRT	79.10	77-79	95-100	74	15.8	42.5%	55.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	63.50	62-64	75-77	57	14.4	7.1%	247.2%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 62.5+-
IJC	21.95	20-21.2	26-28	19	9.3	26.8%	6.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	25.30	24.25.5	30-31	23	5.1	88.1%	488.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	23.60	18.60	25-26	22	26.88%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	12.25	10.25	13-13.5	11	19.51%	Nắm giữ
23/06/2022	SCR	12.35	8.89	13-13.5	10.3	38.92%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	25.70	18.55	26-28	24	38.54%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	13.70	10.15	13-14	12	34.98%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.95	9.99	13-14	10	9.61%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	65.30	63.20	76-78	61	3.32%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	28.75	22.40	29-30	25	28.35%	Nắm giữ
1/7/2022	PLC	27.80	22.20	27-28	25	25.23%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	23.00	18.20	24-26	20.5	26.37%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	26.80	24.30	28-29	25	10.29%	Nắm giữ
7/7/2022	VNM	71.10	70.70	82-83	70	0.57%	Bán, cơ cấu
11/7/2022	SSI	24.40	20.00	25-27	20	22.00%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	15.80	13.45	16.5-17	14.2	17.47%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	24.70	22.60	28-30	22	9.29%	Nắm giữ
18/7/2022	BVH	56.70	56.60	66-70	54	0.18%	Bán, cơ cấu
27/7/2022	NT2	26.00	25.50	29.5-31	24	1.96%	Nắm giữ
28/7/2022	KBC	37.50	36.85	41-43	35	1.76%	Nắm giữ
2/8/2022	PTB	62.80	61.50	72-75	58	2.11%	Nắm giữ
3/8/2022	HSG	20.30	18.20	22-23	18	11.54%	Nắm giữ
11/8/2022	GAS	112.50	112.00	130-132	104	0.45%	Giải ngân giá 112



TIN VÍ MÔ

Thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia

Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa ký thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể quốc gia tầm nhìn đến 2050. Phó Thủ tướng Lê Văn Thành làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030. Bộ Kế hoạch & Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Chủ tịch Quốc hội: Thực hiện đúng tiến độ bỏ sổ hộ khẩu giấy từ 2023

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ yêu cầu thực hiện đúng tiến độ việc bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy bắt đầu từ 1/1/2023. Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ ban hành Nghị quyết về nội dung chất vấn của phiên họp thứ 14.

Giá xăng dầu trong nước giảm lần thứ năm liên tiếp.

Sau điều chỉnh của liên Bộ Công Thương - Tài chính, mỗi lít xăng RON 95-III giảm về mức 24.660 đồng (giảm 940 đồng); E5 RON 92 có giá mới là 23.720 đồng (giảm 900 đồng). Giá dầu diesel giảm 1.000 đồng một lít, dầu hoả cũng hạ thêm 1.210 đồng.

Thu ngân sách hơn 1 triệu tỷ đồng sau 7 tháng đầu năm

Theo báo cáo của Vụ Ngân sách nhà nước, tổng thu NSNN 7 tháng năm 2022 ước đạt 1.093,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,5% dự toán, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Chậm giải ngân vốn đầu tư công: "Trên nóng, dưới lạnh"?

7 tháng, cả nước giải ngân vốn đầu tư công đạt xấp xỉ 34,5%, thấp hơn khoảng 2% so với cùng kỳ năm ngoái.

VCBS: Tăng trưởng GDP quý III có thể đạt tới 10%

VCBS đánh giá nền kinh tế đang vẫn đang cho dấu hiệu hồi phục tích cực đặc biệt tại nhóm ngành dịch vụ với mức hồi phục vượt kỳ vọng tại nhóm dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống.

Năm 2030, thu nhập của một người Việt Nam chỉ bằng Malaysia năm 2007

Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho rằng tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn chưa đủ nhanh để thu hẹp khoảng cách phát triển, bắt kịp các quốc gia tiên tiến trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam có xu hướng giảm dần, thấp hơn các nước trong cùng thời kỳ đầu công nghiệp hóa.



TIN DOANH NGHIỆP

Doanh thu tháng 7 của Vĩnh Hoàn tăng 48% so với cùng kỳ

Tháng 7, Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu 1.198 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu tại thị trường nội địa tăng 41% lên 177 tỷ đồng nhưng so với tháng 6 lại giảm 30%. Lũy kế 7 tháng, tổng doanh thu đạt 8.692 tỷ đồng, tăng 82,7%.

PV Gas đấu giá công khai PV Pipe với mức giá khởi điểm gần 8.200 đồng/cổ phiếu

Các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đều có thể tham gia nhưng với cam kết chi trả 397 tỷ đồng khoản phải thu của PV Gas từ PV Pipe. PV Pipe là công ty chuyên về sản xuất ống thép, 6 tháng đầu năm công ty lỗ 71 tỷ đồng.

Sau quý đầu năm lãi kỷ lục, Saigontel báo lỗ 60 tỷ đồng quý II (HoSE:SGT)

Saigontel báo lỗ 60 tỷ đồng quý II do biên lợi nhuận gộp giảm sâu và trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính. Nhờ quý I lãi kỷ lục, lợi nhuận nửa đầu năm vẫn đạt 129 tỷ đồng, gấp 6,2 lần cùng kỳ năm trước.

Viettel Construction báo lãi 7 tháng tăng hơn 22% (HoSE: CTR)

Lũy kế 7 tháng, Viettel Construction ghi nhận doanh thu 5.043 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ 2021; lãi trước thuế là 288,6 tỷ đồng, tăng 22,4%. Mảng vận hành khai thác đóng góp nhiều nhất vào doanh thu khi chiếm tỷ trọng 58%, đạt 2.922 tỷ đồng, tăng 23%.

PetroVietnam (PVN) hoàn thành 98% kế hoạch doanh thu trong 7 tháng

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam- mã: PVN) vừa công bố doanh thu hợp nhất lũy kế 7 tháng đạt 547.700 tỷ đồng, hoàn thành 98% kế hoạch năm và tăng 56% so với cùng kỳ 2021.

Bộ đôi KBC – ITA tạm ứng cho lãnh đạo, nhân viên hàng nghìn tỷ đồng

Trong 2021 và nửa đầu năm nay, khoản tạm ứng cho nhân viên của KBC tăng từ vài chục tỷ đồng lên hàng nghìn tỷ đồng. ITA chuyển nhượng hơn 20% vốn của chủ đầu tư dự án nhiệt điện Kiên Lương cho Chủ tịch HĐQT với số tiền 1.655 tỷ đồng.

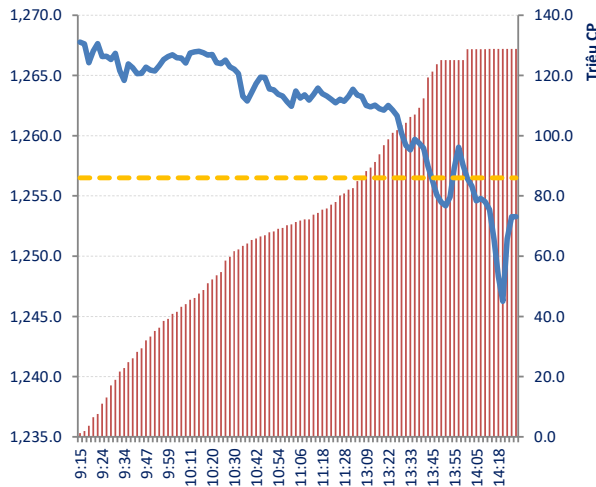
TIS: Doanh thu 7 tháng đạt 11.284 tỷ đồng, lợi nhuận chỉ 47 tỷ đồng

Tính đến hết tháng 7/2022, giá trị sản xuất công nghiệp của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Tisco) đạt trên 8.034 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch năm.

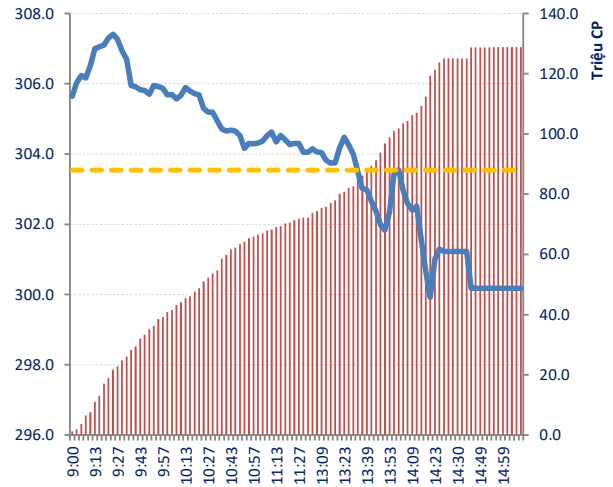


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

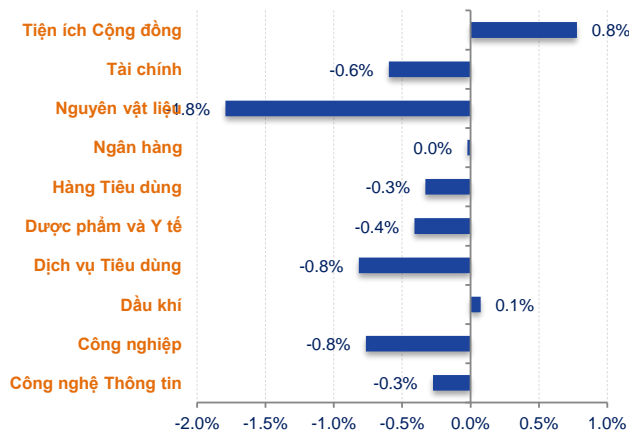
KLGD và VN-Index trong phiên



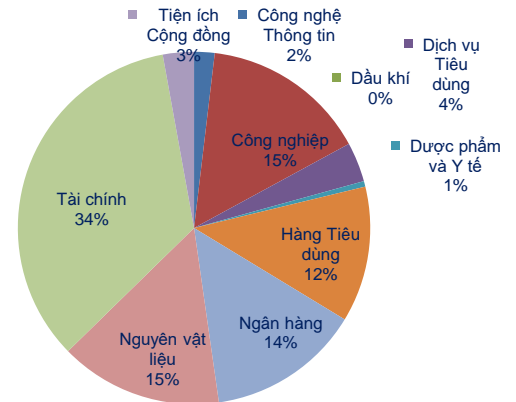
KLGD và HNX-Index trong phiên



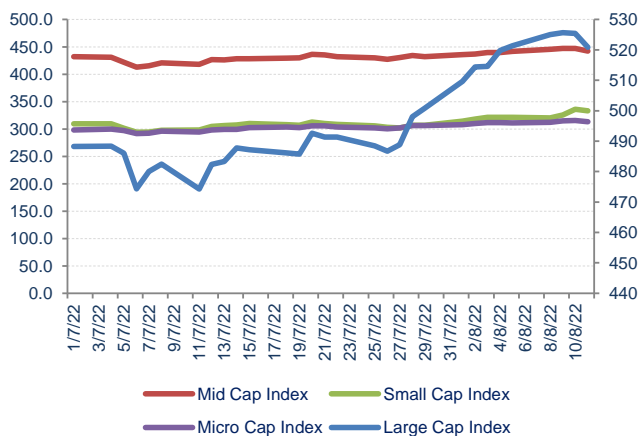
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



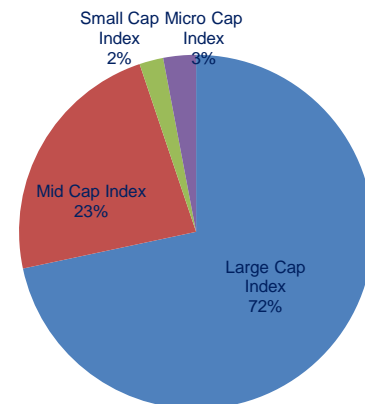
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	2,751,000	VCI	1,582,600	1	PVS	1,991,200	VCS	89,800
2	VND	2,103,000	VNM	1,462,700	2	SHS	188,200	TNG	14,361
3	HDB	1,870,300	HPG	954,600	3	KVC	78,600	NVB	12,200
4	STB	1,304,300	FLC	862,600	4	PVI	76,600	MCF	9,600
5	PVD	1,231,700	APH	832,200	5	IDC	52,600	TVD	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	22.20	21.95	↓ -1.13%	3,794,610	SHS	14.50	14.40	↓ -0.69%	23,459,672
HPG	23.80	23.40	↓ -1.68%	3,470,570	PVS	25.30	25.80	↑ 1.98%	13,858,286
HAG	11.70	12.20	↑ 4.27%	3,308,290	CEO	36.30	34.50	↓ -4.96%	10,381,198
SSI	24.55	24.40	↓ -0.61%	2,804,580	HUT	30.80	29.10	↓ -5.52%	10,326,478
SHB	15.00	14.80	↓ -1.33%	2,539,120	AMV	8.80	8.50	↓ -3.41%	5,527,450

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPC	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%	TTT	55.70	61.20	5.50	↑ 9.87%
PDN	110.90	118.60	7.70	↑ 6.94%	KKC	13.30	14.60	1.30	↑ 9.77%
DTA	9.87	10.55	0.68	↑ 6.89%	PTD	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%
VMD	24.15	25.80	1.65	↑ 6.83%	VIT	18.30	20.00	1.70	↑ 9.29%
MCG	4.26	4.55	0.29	↑ 6.81%	SVN	5.40	5.90	0.50	↑ 9.26%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VFG	58.80	54.70	-4.10	↓ -6.97%	BST	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
DC4	10.85	10.10	-0.75	↓ -6.91%	CAN	62.30	56.10	-6.20	↓ -9.95%
PNC	9.61	8.95	-0.66	↓ -6.87%	STC	27.90	25.20	-2.70	↓ -9.68%
NVT	18.35	17.10	-1.25	↓ -6.81%	CKV	23.80	21.50	-2.30	↓ -9.66%
MDG	18.80	17.55	-1.25	↓ -6.65%	PJC	20.70	18.70	-2.00	↓ -9.66%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	3,794,610	12.3%	397	56.0	1.9
HPG	3,470,570	32.1%	5,164	4.6	1.4
HAG	3,308,290	14.4%	742	15.8	2.3
SSI	2,804,580	13.0%	1,200	20.5	1.7
SHB	2,539,120	20.1%	2,874	5.2	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,459,672	25.5%	1,300	11.2	1.3
PVS	13,858,286	4.2%	1,117	22.6	1.0
CEO	10,381,198	7.2%	970	37.4	2.7
HUT	10,326,478	6.1%	711	43.3	2.7
AMV	5,527,450	8.7%	1,137	7.7	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPC	↑ 7.0%	4.0%	598	16.7	0.7
PDN	↑ 6.9%	26.6%	10,511	10.6	2.7
DTA	↑ 6.9%	6.0%	646	15.3	0.9
VMD	↑ 6.8%	1.2%	306	78.8	0.9
MCG	↑ 6.8%	-9.7%	(369)	-	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTT	↑ 9.9%	2.6%	2,281	24.4	0.6
KKC	↑ 9.8%	-38.4%	(5,362)	-	1.4
PTD	↑ 9.5%	43.9%	7,600	1.7	0.7
VIT	↑ 9.3%	5.3%	646	28.3	1.5
SVN	↑ 9.3%	0.5%	50	108.7	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	2,751,000	13.0%	1,200	20.5	1.7
VND	2,103,000	12.3%	397	56.0	1.9
HDB	1,870,300	21.6%	3,464	7.2	1.4
STB	1,304,300	10.3%	1,902	13.1	1.3
PVD	1,231,700	0.0%	1	34,068.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,991,200	4.2%	1,117	22.6	1.0
SHS	188,200	25.5%	1,300	11.2	1.3
KVC	78,600	-3.0%	(300)	-	0.4
PVI	76,600	8.0%	2,729	16.9	1.3
IDC	52,600	33.9%	5,604	11.3	3.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	380,968	21.7%	5,271	15.3	3.1
VHM	266,923	21.8%	6,474	9.5	2.1
VIC	247,143	-0.5%	(173)	-	1.9
GAS	212,257	23.6%	6,738	16.5	3.5
BID	194,247	14.7%	2,580	14.9	2.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,990	6.2%	1,268	65.7	3.8
IDC	20,922	33.9%	5,604	11.3	3.2
THD	20,510	14.3%	2,516	23.3	3.4
NVB	15,925	-1.9%	(189)	-	3.7
BAB	13,828	8.1%	905	18.8	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	3.46	11.6%	628	12.1	1.4
ASM	3.16	10.8%	2,489	6.5	0.7
MCG	3.09	-9.7%	(369)	-	1.2
HQC	3.07	0.4%	36	149.0	0.6
PET	3.06	9.4%	2,041	18.3	1.7

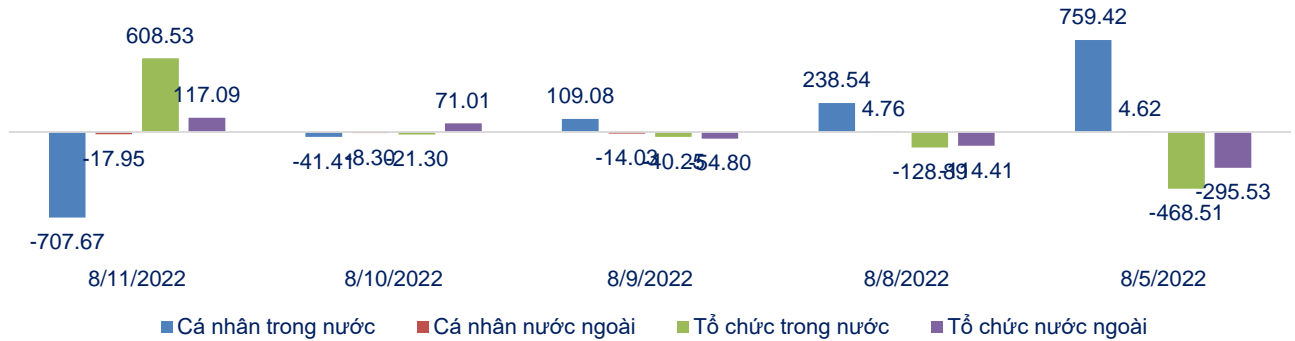
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC9	2.84	2.4%	47	262.8	96.5
SDA	2.73	7.9%	741	22.4	1.6
BII	2.57	-2.9%	(318)	-	0.5
APS	2.55	62.2%	9,839	1.7	1.3
VGS	2.47	17.0%	3,002	6.1	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	87.86	18.0%	2,075	23.0	2.2
VNM	68.81	26.8%	4,534	16.0	4.1
SBT	22.30	8.4%	1,204	15.6	1.3
CII	18.61	4.2%	1,435	15.7	0.7
SSB	14.61	17.9%	1,965	15.8	2.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-74.23	13.0%	1,200	20.5	1.7
VND	-73.72	12.3%	397	56.0	1.9
HDB	-54.47	21.6%	3,464	7.2	1.4
FPT	-52.61	22.3%	4,505	19.1	4.0
MWG	-49.65	23.6%	3,396	18.7	4.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HVN	2.68	0.0%	(4,484)	-	-
VND	2.18	12.3%	397	56.0	1.9
DPG	1.89	21.4%	6,259	7.8	1.5
CTG	1.32	15.1%	3,057	9.3	1.3
BCG	1.30	8.0%	2,098	8.2	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-10.88	1.1%	229	63.8	0.6
SSI	-5.63	13.0%	1,200	20.5	1.7
VCI	-2.57	18.0%	2,075	23.0	2.2
GEX	-2.22	3.5%	857	28.4	1.0
HPG	-2.19	32.1%	5,164	4.6	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	68.31	32.1%	5,164	4.6	1.4
MWG	49.65	23.6%	3,396	18.7	4.2
FPT	47.61	22.3%	4,505	19.1	4.0
VPB	40.96	19.6%	3,774	8.0	1.4
ACB	37.59	25.1%	3,482	7.1	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	-22.51	8.4%	1,204	15.6	1.3
FUEVFVND	-16.14	N/A	N/A	N/A	N/A
CII	-15.83	4.2%	1,435	15.7	0.7
VCI	-15.39	18.0%	2,075	23.0	2.2
SSB	-14.57	17.9%	1,965	15.8	2.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	73.61	13.0%	1,200	20.5	1.7
HDB	48.52	21.6%	3,464	7.2	1.4
VND	44.88	12.3%	397	56.0	1.9
CTG	33.66	15.1%	3,057	9.3	1.3
STB	33.37	10.3%	1,902	13.1	1.3

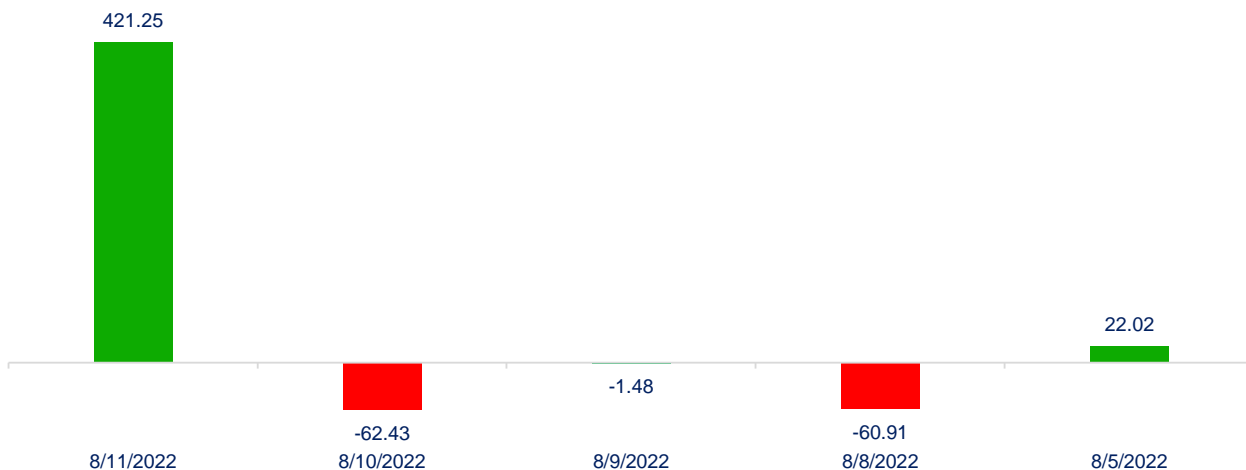
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-105.25	26.8%	4,534	16.0	4.1
VCI	-69.90	18.0%	2,075	23.0	2.2
VHM	-23.88	21.8%	6,474	9.5	2.1
HPG	-20.42	32.1%	5,164	4.6	1.4
VJC	-16.65	0.5%	139	901.7	3.9

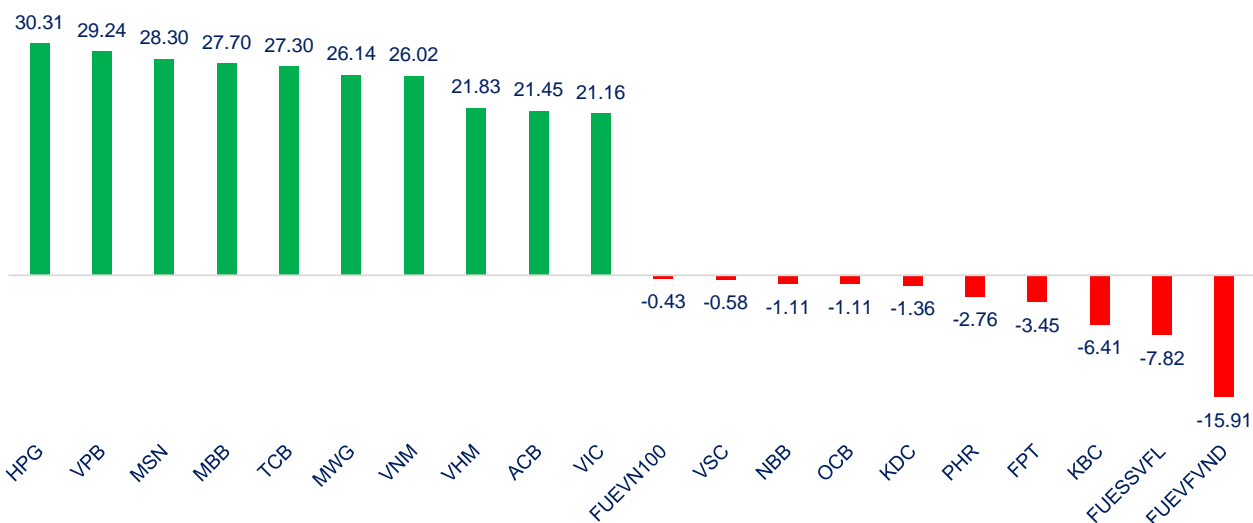


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

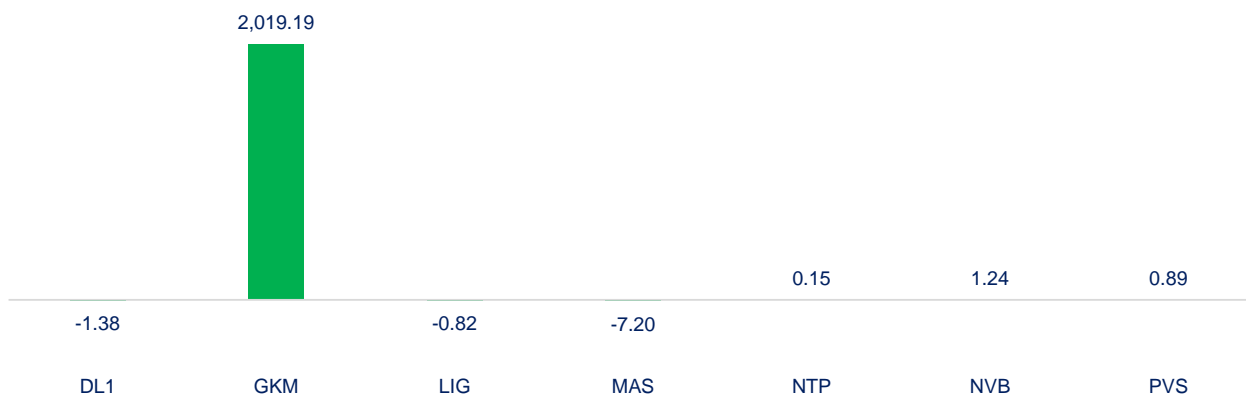
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn